

Số: 21 /TB-DHN

Hà Nội, ngày 15 tháng 01 năm 2018

THÔNG BÁO

Kết quả xét nâng lương thường xuyên, thực hiện phụ cấp thâm niên vượt khung đợt II năm 2017 và nâng lương trước thời hạn năm 2017

Thực hiện các quy định của Nhà nước, ngày 12/01/2018 Hội đồng xét nâng bậc lương Trường Đại học Dược Hà Nội đã họp xét duyệt danh sách nâng lương thường xuyên, phụ cấp thâm niên vượt khung đợt II năm 2017 (06 tháng cuối năm) và nâng lương trước thời hạn năm 2017, kết quả cụ thể như sau:

1. Hội đồng nhất trí nâng lương thường xuyên và thực hiện phụ cấp thâm niên vượt khung, cụ thể như sau:

- Nâng lương thường xuyên: 44 người, trong đó:

+ Thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế: 00.

+ Thuộc thẩm quyền của Trường: 44 người (có danh sách kèm theo), trong đó: Nâng lương theo đúng thời hạn đối với ông Nguyễn Xuân Bắc - Bộ môn Hóa sinh vì đã hoàn thành khóa học theo đúng thời hạn; lùi mốc nâng lương 07 tháng đối với bà Phan Thị Thanh Hà - Phòng Tổ chức cán bộ do nghỉ việc không hưởng lương.

+ Trường hợp ông Đỗ Ngọc Quang - Bộ môn Vi sinh và Sinh học, để đảm bảo quyền lợi cho người lao động, chuyển sang danh sách nâng lương trước thời hạn năm 2017 vì thành tích đạt được trong thời gian giữ bậc lương.

- Thực hiện phụ cấp thâm niên vượt khung:

+ Thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế: 00.

+ Thuộc thẩm quyền của Trường: 09 người (có danh sách kèm theo).

2. Hội đồng nhất trí nâng lương trước thời hạn do lập thành tích xuất sắc năm 2017, cụ thể như sau:

- Số lượng nâng lương trước thời hạn năm 2017 không vượt quá 34 người.

- Nâng lương trước thời hạn năm 2017: 23 người, trong đó:

+ Thuộc thẩm quyền của Bộ Y tế: 00.

+ Thuộc thẩm quyền của Trường: 23 người (có danh sách kèm theo), trong đó có ông Đỗ Ngọc Quang - Bộ môn Vi sinh và Sinh học, đủ thời gian xét nâng lương thường xuyên, có thành tích đạt được trong thời gian giữ bậc lương; Thường trực Hội đồng đã trao đổi và cá nhân đã nhất trí nâng lương trước thời hạn 06 tháng vào đợt này. Nếu Bộ Y tế không đồng ý thì chuyển về danh sách nâng lương thường xuyên và thành tích bảo lưu cho lần xét nâng lương sau.

Nhà trường xin thông báo đề các đơn vị, công chức, viên chức và người lao động trong Trường được biết. Mọi ý kiến liên quan đến vấn đề nâng lương thường xuyên, thực hiện phụ cấp thâm niên vượt khung đợt II năm 2017 và nâng lương trước thời hạn năm 2017 xin gửi về Phòng Tổ chức cán bộ (Bà Lê Thị Dinh) trước ngày 23/01/2017. Sau thời hạn trên nếu không có ý kiến gì khác, Nhà trường sẽ ban hành quyết định theo thẩm quyền.

Nơi nhận:

- Các đơn vị trong Trường;
- Phó Hiệu trưởng PT, QL, ĐH (để b/c);
- Website nội bộ;
- Lưu: VT, TCCB.

**TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG TỔ CHỨC CÁN BỘ**



DANH SÁCH
NÂNG LƯƠNG THƯỜNG XUYÊN - ĐỢT II NĂM 2017
(Kèm theo Thông báo số: 21 /TB-DHN ngày 15 tháng 01 năm 2018)

TT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Tên đơn vị	Ngạch/ chức danh NN		Lương hiện hưởng					Kết quả nâng lương				
				Tên	Mã số	Bậc	Hệ số	% VK	Mốc hưởng	Mốc tính NL lần sau	Bậc	Hệ số	% VK	Mốc hưởng	Mốc tính NL lần sau
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Bùi Văn Thuận	06/08/1983	Bộ môn Bảo chế	Kỹ thuật viên chính dược	16.137	4	2.46	0	01/07/2015	01/07/2015	5	2.66	0	01/07/2017	01/07/2017
2	Bùi Thị Thắng	13/12/1984	Bộ môn Công nghiệp Dược	Kỹ thuật viên chính dược	16.137	6	2.86	0	01/07/2015	01/07/2015	7	3.06	0	01/07/2017	01/07/2017
3	Từ Thị Thu Trang	02/12/1988	Bộ môn Công nghiệp Dược	Kỹ thuật viên chính dược	16.137	4	2.46	0	01/07/2015	01/07/2015	5	2.66	0	01/07/2017	01/07/2017
4	Bùi Thị Thuý	01/03/1984	Bộ môn Dược học cổ truyền	Kỹ thuật viên chính dược	16.137	6	2.86	0	01/07/2015	01/07/2015	7	3.06	0	01/07/2017	01/07/2017
5	Doãn Thị Thu Thủy	22/02/1981	Bộ môn Dược liệu	Kỹ thuật viên chính dược	16.137	7	3.06	0	01/07/2015	01/07/2015	8	3.26	0	01/07/2017	01/07/2017
6	Nguyễn Văn Hoà	09/04/1982	Bộ môn Dược liệu	Kỹ thuật viên chính dược	16.137	6	2.86	0	01/07/2015	01/07/2015	7	3.06	0	01/07/2017	01/07/2017
7	Lê Trọng Hoàng	27/07/1984	Bộ môn Dược liệu	Kỹ thuật viên chính dược	16.137	6	2.86	0	01/07/2015	01/07/2015	7	3.06	0	01/07/2017	01/07/2017
8	Đỗ Thị Nguyệt Quế	29/08/1975	Bộ môn Dược lực	Giảng viên (hạng III)	V.07.01.03	5	3.66	0	01/07/2014	01/07/2014	6	3.99	0	01/07/2017	01/07/2017
9	Phạm Đức Vịnh	21/07/1990	Bộ môn Dược lực	Giảng viên (hạng III)	V.07.01.03	1	2.34	0	01/11/2014	01/11/2014	2	2.67	0	01/11/2017	01/11/2017
10	Đinh Đại Độ	01/12/1977	Bộ môn Dược lực	Kỹ thuật viên chính dược	16.137	6	2.86	0	01/07/2015	01/07/2015	7	3.06	0	01/07/2017	01/07/2017
11	Nguyễn Thị Thủy	28/05/1984	Bộ môn Dược lực	Kỹ thuật viên chính dược	16.137	6	2.86	0	01/07/2015	01/07/2015	7	3.06	0	01/07/2017	01/07/2017

TT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Tên đơn vị	Ngạch/ chức danh NN		Lương hiện hưởng					Kết quả nâng lương				
				Tên	Mã số	Bậc	Hệ số	% VK	Mốc hưởng	Mốc tính NL lần sau	Bậc	Hệ số	% VK	Mốc hưởng	Mốc tính NL lần sau
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
12	Đinh Thị Kiều Giang	27/02/1985	Bộ môn Dược lực	Kỹ thuật viên chính dược	16.137	6	2.86	0	01/10/2015	01/10/2015	7	3.06	0	01/10/2017	01/10/2017
13	Đỗ Thị Mai Dung	23/03/1990	Bộ môn Hoá Dược	Giảng viên (hạng III)	V.07.01.03	1	2.34	0	01/11/2014	01/11/2014	2	2.67	0	01/11/2017	01/11/2017
14	Mai Xuân Bách	11/04/1983	Bộ môn Hoá Đại cương - Vô cơ	Giảng viên (hạng III)	V.07.01.03	2	2.67	0	01/11/2014	01/11/2014	3	3.00	0	01/11/2017	01/11/2017
15	Nguyễn Phương Nhưng	22/04/1989	Bộ môn Hoá Đại cương - Vô cơ	Giảng viên (hạng III)	V.07.01.03	1	2.34	0	01/11/2014	01/11/2014	2	2.67	0	01/11/2017	01/11/2017
16	Nguyễn Đức Lượng	08/06/1981	Bộ môn Hoá Đại cương - Vô cơ	Kỹ thuật viên chính dược	16.137	6	2.86	0	01/07/2015	01/07/2015	7	3.06	0	01/07/2017	01/07/2017
17	Nguyễn Nhật Tân	27/09/1980	Bộ môn Hoá Đại cương - Vô cơ	Kỹ thuật viên chính dược	16.137	6	2.86	0	01/07/2015	01/07/2015	7	3.06	0	01/07/2017	01/07/2017
18	Văn Thị Mỹ Huệ	13/09/1975	Bộ môn Hoá Hữu cơ	Giảng viên (hạng III)	V.07.01.03	6	3.99	0	01/11/2014	01/11/2014	7	4.32	0	01/11/2017	01/11/2017
19	Nguyễn Thị Thanh	01/11/1984	Bộ môn Hoá Hữu cơ	Kỹ thuật viên chính dược	16.137	6	2.86	0	01/07/2015	01/07/2015	7	3.06	0	01/07/2017	01/07/2017
20	Vũ Thị Minh Huệ	27/09/1984	Bộ môn Hoá Phân tích và Độc chất	Kỹ thuật viên chính dược	16.137	6	2.86	0	01/07/2015	01/07/2015	7	3.06	0	01/07/2017	01/07/2017
21	Ngô Thị Phương Thủy	10/10/1983	Bộ môn Hoá Phân tích và Độc chất	Kỹ thuật viên chính dược	16.137	6	2.86	0	01/07/2015	01/07/2015	7	3.06	0	01/07/2017	01/07/2017
22	Nguyễn Xuân Bắc	13/02/1983	Bộ môn Hoá Sinh	Giảng viên (hạng III)	V.07.01.03	2	2.67	0	01/01/2012	01/01/2012	3	3.00	0	01/10/2017	01/01/2015
23	Phạm Thị Kim Thoa	08/05/1984	Bộ môn Hoá Sinh	Kỹ thuật viên chính dược	16.137	6	2.86	0	01/07/2015	01/07/2015	7	3.06	0	01/07/2017	01/07/2017
24	Lê Tổ Hương	30/08/1975	Bộ môn Ngoại ngữ	Giảng viên (hạng III)	V.07.01.03	6	3.99	0	01/12/2014	01/12/2014	7	4.32	0	01/12/2017	01/12/2017
25	Vũ Thị Nhung	26/03/1972	Bộ môn Ngoại ngữ	Giảng viên (hạng III)	V.07.01.03	6	3.99	0	01/12/2014	01/12/2014	7	4.32	0	01/12/2017	01/12/2017
26	Lê Thu Thủy	27/04/1986	Bộ môn Quản lý và Kinh tế Dược	Giảng viên (hạng III)	V.07.01.03	2	2.67	0	01/11/2014	01/11/2014	3	3.00	0	01/11/2017	01/11/2017

TT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Tên đơn vị	Ngạch/ chức danh NN		Lương hiện hưởng					Kết quả nâng lương				
				Tên	Mã số	Bậc	Hệ số	% VK	Mốc hưởng	Mốc tính NL lần sau	Bậc	Hệ số	% VK	Mốc hưởng	Mốc tính NL lần sau
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
27	Kiều Thị Tuyết Mai	02/10/1989	Bộ môn Quản lý và Kinh tế Dược	Giảng viên (hạng III)	V.07.01.03	1	2.34	0	01/11/2014	01/11/2014	2	2.67	0	01/11/2017	01/11/2017
28	Vũ Thị Ánh	20/07/1984	Bộ môn Quản lý và Kinh tế Dược	Kỹ thuật viên chính dược	16.137	6	2.86	0	01/07/2015	01/07/2015	7	3.06	0	01/07/2017	01/07/2017
29	Bùi Thị Bích Thuỷ	03/01/1973	Bộ môn Quản lý và Kinh tế Dược	Kỹ thuật viên chính dược	16.137	10	3.66	0	01/10/2015	01/10/2015	11	3.86	0	01/10/2017	01/10/2017
30	Phạm Thị Hồng Cẩm	27/04/1970	Bộ môn Toán- tin	Giảng viên (hạng III)	V.07.01.03	6	3.99	0	01/12/2014	01/12/2014	7	4.32	0	01/12/2017	01/12/2017
31	Đặng Thuý Hồng	14/04/1984	Bộ môn Vật lý - Hoá lý	Kỹ thuật viên chính dược	16.137	6	2.86	0	01/07/2015	01/07/2015	7	3.06	0	01/07/2017	01/07/2017
32	Vương Đức Tâm	28/12/1984	Bộ môn Vật lý - Hoá lý	Kỹ thuật viên chính dược	16.137	6	2.86	0	01/07/2015	01/07/2015	7	3.06	0	01/07/2017	01/07/2017
33	Nguyễn Liên Hương	24/07/1971	Bộ môn Vi sinh và Sinh học	Giảng viên (hạng III)	V.07.01.03	6	3.99	0	01/09/2014	01/09/2014	7	4.32	0	01/09/2017	01/09/2017
34	Nguyễn Thị Liên	17/10/1983	Bộ môn Vi sinh và Sinh học	Kỹ thuật viên chính dược	16.137	6	2.86	0	01/07/2015	01/07/2015	7	3.06	0	01/07/2017	01/07/2017
35	Lê Bá Yên	05/04/1967	Ban Quản lý Khu nội trú	Nhân viên bảo vệ	01.011	6	2.40	0	01/07/2015	01/07/2015	7	2.58	0	01/07/2017	01/07/2017
36	Trần Quang Tuyển	21/06/1969	Phòng Công nghệ thông tin	Giảng viên (hạng III)	V.07.01.03	5	3.66	0	01/12/2014	01/12/2014	6	3.99	0	01/12/2017	01/12/2017
37	Nguyễn Lan Anh	16/02/1986	Phòng Công nghệ thông tin	Kỹ thuật viên (hạng IV)	V.05.02.08	4	2.46	0	01/07/2015	01/07/2015	5	2.66	0	01/07/2017	01/07/2017
38	Trần Thị Lan Hương	03/04/1976	Phòng Đào tạo	Giảng viên (hạng III)	V.07.01.03	4	3.33	0	01/07/2014	01/07/2014	5	3.66	0	01/07/2017	01/07/2017
39	Vũ Thúy Nga	13/02/1978	Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng	Chuyên viên	01.003	2	2.67	0	01/12/2014	01/12/2014	3	3.00	0	01/12/2017	01/12/2017
40	Nguyễn Thị Thu Trang	21/12/1979	Phòng Tài chính - Kế toán	Kế toán viên	06.031	4	3.33	0	01/07/2014	01/07/2014	5	3.66	0	01/07/2017	01/07/2017
41	Phan Thị Hường	21/02/1989	Phòng Tài chính - Kế toán	Kế toán viên	06.031	1	2.34	0	01/11/2014	01/11/2014	2	2.67	0	01/11/2017	01/11/2017

TT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Tên đơn vị	Ngạch/ chức danh NN		Lương hiện hưởng					Kết quả nâng lương				
				Tên	Mã số	Bậc	Hệ số	% VK	Mốc hưởng	Mốc tính NL lần sau	Bậc	Hệ số	% VK	Mốc hưởng	Mốc tính NL lần sau
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
42	Phan Thị Thanh Hà	11/11/1977	Phòng Tổ chức Cán bộ	Chuyên viên	01.003	4	3.33	0	01/01/2014	01/01/2014	5	3.66	0	01/08/2017	01/08/2017
43	Nguyễn Thị Hương Giang	17/08/1972	Trạm Y tế	Giảng viên (hạng III)	V.07.01.03	6	3.99	0	01/08/2014	01/08/2014	7	4.32	0	01/08/2017	01/08/2017
44	Nguyễn Thị Vân Anh	28/11/1987	Trung tâm DI & ADR Quốc gia	Cán sự	01.004	4	2.46	0	01/07/2015	01/07/2015	5	2.66	0	01/07/2017	01/07/2017

(Danh sách gồm 44 người thuộc thẩm quyền của Trường)

DANH SÁCH
THỰC HIỆN PHỤ CẤP THÂM NIÊN VƯỢT KHUNG - ĐỢT II NĂM 2017
(Kèm theo Thông báo số: 21 /TB-DHN ngày 15 tháng 01 năm 2018)

TT	Họ tên	Ngày tháng năm sinh	Tên đơn vị	Ngạch/ chức danh NN		Lương hiện hưởng					Kết quả nâng lương				
				Tên	Mã số	Bậc	Hệ số	% VK	Mốc hưởng	Mốc tính NL lần sau	Bậc	Hệ số	% VK	Mốc hưởng	Mốc tính NL lần sau
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
1	Lê Quang Đạo	17/02/1961	Bộ môn Giáo dục thể chất	Cán sự	01.004	12	4.06	15	01/10/2016	01/10/2016	12	4.06	16	01/10/2017	01/10/2017
2	Vũ Đình Tuấn	21/07/1959	Bộ môn Giáo dục thể chất	Giảng viên (hạng III)	V.07.01.03	9	4.98	0	01/07/2014	01/07/2014	9	4.98	5	01/07/2017	01/07/2017
3	Nguyễn Thị Lệ Thi	25/12/1963	Bộ môn Ngoại ngữ	Giảng viên (hạng III)	V.07.01.03	9	4.98	0	01/09/2014	01/09/2014	9	4.98	5	01/09/2017	01/09/2017
4	Phạm Văn Tươi	28/02/1960	Phòng Công tác chính trị	Chuyên viên chính	01.002	8	6.78	11	01/09/2016	01/09/2016	8	6.78	12	01/09/2017	01/09/2017
5	Bùi Hữu Cừ	26/08/1958	Phòng Quản trị	Chuyên viên	01.003	9	4.98	12	01/09/2016	01/09/2016	9	4.98	13	01/09/2017	01/09/2017
6	Vũ Văn Minh	05/09/1961	Phòng Sau đại học	Chuyên viên	01.003	9	4.98	6	01/10/2016	01/10/2016	9	4.98	7	01/10/2017	01/10/2017
7	Nguyễn Viết Dũng	21/12/1957	Phòng Vật tư và trang thiết bị	Kỹ sư	13.095	9	4.98	9	01/10/2016	01/10/2016	9	4.98	10	01/10/2017	01/10/2017
8	Hoàng Văn Tuấn	12/07/1962	Phòng Vật tư và trang thiết bị	Nhân viên kỹ thuật	01.007	12	3.63	14	01/10/2016	01/10/2016	12	3.63	15	01/10/2017	01/10/2017
9	Lê Trọng Trung	15/05/1959	Thư viện	Chuyên viên	01.003	9	4.98	6	01/08/2016	01/08/2016	9	4.98	7	01/08/2017	01/08/2017

(Danh sách gồm 09 người thuộc thẩm quyền của Trường)

DANH SÁCH
NÂNG LƯƠNG TRƯỚC THỜI HẠN DO LẬP THÀNH TÍCH XUẤT SẮC NĂM 2017
(Kèm theo Thông báo số: 24 /TB-DHN ngày 15 tháng 01 năm 2018)

TT	Họ và tên	Đơn vị	Ngạch/ chức danh NN (Mã số)	Lương hiện hưởng			Kết quả nâng lương				Thành tích	Ghi chú
				Bậc	Hệ số	Mức tính NL lần sau	Bậc	Hệ số	Số tháng NLTTH	Thời gian hưởng và mức NLLS		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	Đào Nguyệt Sương Huyền	BM CND	Giảng viên (V.07.01.03)	3	3.00	01/01/2015	4	3.33	12	01/01/2017	BK của CD Y tế VN (02/2014), (4/2015).	
2	Nguyễn Thanh Tùng	BM Dược liệu	Giảng viên (V.07.01.03)	1	2.34	01/03/2015	2	2.67	12	01/03/2017	BK của TU Đoàn TNCS HCM-có thành tích XS năm học 2016-2017 (9/2017).	
3	Nguyễn Thành Hải	BM Dược LS	Giảng viên (V.07.01.03)	4	3.33	01/01/2015	5	3.66	12	01/01/2017	CSTĐCS năm học 2014-2015 (8/2015); 2015-2016 (8/2016); 2016-2017 (8/2017); Bằng khen của Bộ Y tế (9/2016); BK của TU Đoàn - Giải nhất HN KHCN tuổi trẻ (5/2012).	
4	Vũ Ngân Bình	BM Hóa PT&ĐC	Giảng viên (V.07.01.03)	2	2.67	01/01/2015	3	3.00	12	01/01/2017	CSTĐCS năm học 2015-2016 (8/2016); 2016-2017 (8/2017); Bằng khen của Bộ Y tế (11/2017).	
5	Lê Đình Chi	BM Hóa PT&ĐC	Giảng viên (V.07.01.03)	6	3.99	01/12/2015	7	4.32	12	01/12/2017	CSTĐCS năm học 2014-2015 (8/2015); 2015-2016 (8/2016); 2016-2017 (8/2017); Bằng khen của Bộ Y tế (9/2016).	
6	Nguyễn Thị Phương Thúy	BM QL&KT Dược	Giảng viên (V.07.01.03)	3	3.00	01/01/2015	4	3.33	12	01/01/2017	BK của TU Đoàn - Giải nhì HN KHCN tuổi trẻ (5/2012).	

TT	Họ và tên	Đơn vị	Ngạch/ chức danh NN (Mã số)	Lương hiện hưởng			Kết quả nâng lương				Thành tích	Ghi chú
				Bậc	Hệ số	Mức tính NL lần sau	Bậc	Hệ số	Số tháng NLTTH	Thời gian hưởng và mức NLLS		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
7	Nguyễn Thị Phương Lan	BM YHCS	Giảng viên (V.07.01.03)	4	3.33	01/10/2015	5	3.66	12	01/10/2017	BK của TƯ Đoàn - Giải nhất HN KHCN tuổi trẻ (5/2016).	
8	Đào Công Hiếu	BQL KNT	Chuyên viên (01.003)	3	3.00	01/10/2015	4	3.33	12	01/10/2017	BK của CD Y tế VN (01/2015); (01/2016).	
9	Vũ Xuân Giang	P Đào tạo	Giảng viên (V.07.01.03)	6	3.99	01/07/2015	7	4.32	12	01/07/2017	CSTĐCS năm học 2015-2016 (8/2016); 2016-2017 (8/2017).	
10	Bạch Phương Thanh	P HCTH	Chuyên viên (01.003)	2	2.67	01/01/2015	3	3.00	12	01/01/2017	BK của BYT về TT trong công tác Văn phòng năm 2017 (8/2017).	
11	Lê Phan Tuấn	P HCTH	Chuyên viên (01.003)	8	4.65	01/11/2015	9	4.98	12	01/11/2017	CSTĐCS năm học 2012-2013 (7/2013); 2016-2017 (8/2017); Bằng khen của Bộ Y tế về thành tích xây dựng gia đình trong thời kỳ CNH HĐH đất nước 2011-2013 (6/2013); BK của Bộ Y tế năm học 2012-2013 (9/2013); BK của BYT về TT trong công tác văn phòng (8/2014); BK của CD Y tế VN (9/2014);	
12	Đỗ Hồng Quảng	P SDH	Giảng viên (V.07.01.03)	6	3.99	01/07/2015	7	4.32	12	01/07/2017	CSTĐCS năm học 2015-2016 (8/2016); 2016-2017 (8/2017). Bằng khen của Bộ Y tế (11/2017).	
13	Phan Tiến Thành	P VT&TTB	Kỹ sư CD (13a.095)	4	3.03	01/01/2015	5	3.34	12	01/01/2017	CSTĐCS năm học 2011-2012 (7/2012), 2012-2013 (7/2013), 2013-2014 (7/2014); Bằng khen của Bộ Y tế (11/2012); (9/2014); BK của Công đoàn Y tế (4/2013).	

TT	Họ và tên	Đơn vị	Ngạch/ chức danh NN (Mã số)	Lương hiện hưởng			Kết quả nâng lương				Thành tích	Ghi chú
				Bậc	Hệ số	Mức tính NL lần sau	Bậc	Hệ số	Số tháng NLTTH	Thời gian hưởng và mức NLLS		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
14	Vũ Đình Hòa	TT DI&ADR QG	Giảng viên (V.07.01.03)	4	3.33	01/01/2015	5	3.66	12	01/01/2017	CSTĐCS năm học 2015-2016 (8/2016); 2016-2017 (8/2017).	
15	Nguyễn Mai Hoa	TT DI&ADR QG	Chuyên viên (01.003)	2	2.67	01/01/2015	3	3.00	12	01/01/2017	BK của Bộ Y tế về TT trong thực hiện Chiến lược QG phòng, chống lao giai đoạn 2014-2016 (3/2017).	
16	Đàm Thanh Xuân	BM CND	Giảng viên chính (V.07.01.02)	3	5.08	01/11/2015	4	5.42	6	01/05/2018	CSTĐCS năm học 2016-2017 (8/2017).	
17	Ngô Xuân Hoàng	BM Hóa HC	Giảng viên (V.07.01.03)	2	2.67	01/01/2015	3	3.00	6	01/07/2017	BK của CD Y tế VN (12/2017).	
18	Đào Thị Mai Anh	BM Hóa sinh	Giảng viên (V.07.01.03)	5	3.66	01/01/2015	6	3.99	6	01/07/2017	BK của CD Y tế VN (01/2016).	
19	Hoàng Quỳnh Hoa	BM Thực vật	Giảng viên (V.07.01.03)	6	3.99	01/07/2015	7	4.32	6	01/01/2018	CSTĐCS năm học 2014-2015 (8/2015).	
20	Đỗ Ngọc Quang	Bộ môn VS và Sinh học	Giảng viên V.07.01.03	5	3.66	01/12/2014	6	3.99	6	01/06/2017	CSTĐCS năm học 2016-2017 (8/2017).	
21	Nguyễn Hữu Hoàng	P HTQT	Chuyên viên (01.003)	1	2.34	01/03/2015	2	2.67	6	01/09/2017	BK của CD Y tế VN (12/2017).	
22	Đặng Văn Quảng	P QLKH	Chuyên viên (01.003)	2	2.67	01/01/2015	3	3.00	6	01/07/2017	BK của CD Y tế VN (01/2015).	
23	Nguyễn Việt Bách	Thư viện	Nhân viên kỹ thuật (01.007)	4	2.19	01/01/2016	5	2.37	6	01/07/2017	BK của CD Y tế VN (12/2017).	

Ghi chú:

1. Danh sách được NL TTH năm 2017 gồm 23 người thuộc thẩm quyền của Trường.
2. Tỷ lệ được NL TTH năm 2017 tối đa không quá 34 người (không quá 10% tổng số danh sách trả lương tính đến 31/12/2017).
3. Thành tích 06 năm đối với chức danh có trình độ CD trở lên; 04 năm đối với chức danh có trình độ trung cấp trở xuống tính đến 31/12/2017.